

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Thanh Hoá năm 2026**

**Phần thứ nhất**  
**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ,**  
**HỢP TÁC XÃ NĂM 2025**

**I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2025**

**1. Tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã**

**1.1. Về số lượng, doanh thu và thu nhập của hợp tác xã (HTX), liên hiệp hợp tác xã (LHHTX), tổ hợp tác (THT)**

- Về số lượng HTX, LHHTX, THT: Năm 2025, tỉnh Thanh Hóa ước có 55 HTX đăng ký thành lập mới, tăng 77,42% so với kế hoạch, giảm 12,7% so với cùng kỳ; tổng số HTX đăng ký thành lập ước đạt 1.348 HTX, đạt 100% kế hoạch, giảm 1,17% so với cùng kỳ. Có 03 liên hiệp HTX và 2.597 THT (gồm: 1.306 THT lĩnh vực nông nghiệp, 1.291 THT lĩnh vực CN-TTCN và thương mại).

- Về doanh thu: Năm 2025, tổng doanh thu bình quân một HTX ước đạt 7.600 triệu đồng/năm, đạt 100% kế hoạch và tăng 0,6% so với cùng kỳ; lợi nhuận bình quân đạt 280 triệu đồng/HTX/năm, đạt 100% kế hoạch và bằng 100% so với cùng kỳ.

- Số HTX hoạt động hiệu quả: Năm 2025, tỉnh Thanh Hóa ước có 810 HTX hoạt động hiệu quả (chiếm 60,08% tổng số HTX), trong đó, có 645 HTX nông nghiệp, 64 Quỹ tín dụng nhân dân và 101 HTX thuộc các lĩnh vực khác. Có 45 HTX giải thể (chiếm 3,3%) và 119 HTX, LHHTX tạm ngừng hoạt động với thời hạn 01 năm theo quy định.

**1.2. Về thành viên, lao động của HTX, LH HTX, THT**

Năm 2025, khu vực KTTT, HTX có 5.110 thành viên mới (gồm: 3.350 thành viên của QTDND và 1.750 thành viên của HTX thuộc các lĩnh vực khác), tăng 0,2% so với kế hoạch, tăng 0,2% so với cùng kỳ; tổng số thành viên của HTX ước đạt 252.245 thành viên, tăng 0,14% so với kế hoạch, tăng 0,1% so với cùng kỳ. Số thành viên tự nguyện xin ra khỏi HTX là 4.755 thành viên. Tổng số lao động làm việc thường xuyên trong HTX ước đạt là 41.000 người, bằng 100% kế hoạch, tăng 0,02% so với cùng kỳ, trong đó số lao động đồng thời là thành viên HTX: 33.500 người, bằng 100% kế hoạch, tăng 0,78% so với cùng

kỳ. Thu nhập bình quân của một lao động thường xuyên tại HTX đạt 52 triệu đồng/năm, tăng 0,97% so với kế hoạch, tăng 0,98% so với cùng kỳ.

### ***1.3. Về trình độ cán bộ quản lý HTX, LH HTX, THT***

Năm 2025, tổng số cán bộ quản lý HTX khoảng 6.865 người, đạt 100% kế hoạch, tăng 3,16% so với cùng kỳ, trong đó, cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học là 2.350 người (chiếm 34,2%), cán bộ đạt trình độ sơ cấp, trung cấp 3.142 người (chiếm 45,7%); số còn lại đều đã trải qua ít nhất một khóa tập huấn, lớp đào tạo ngắn hạn về quản lý, điều hành HTX.

## **2. Đánh giá theo lĩnh vực**

### ***2.1. Lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp***

Năm 2025, tỉnh Thanh Hóa ước có 03 liên hiệp HTX với 16 thành viên, 1.306 THT với 13.844 thành viên và 836 HTX với 63.279 thành viên hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư và diêm nghiệp; tổng số lao động làm việc thường xuyên trong tổ chức KTTT, HTX là 18.432 người; tổng số cán bộ quản lý khoảng 4.005 người, trong đó, số cán bộ quản lý có trình độ cao đẳng, đại học trở lên là 2.043 người, số cán bộ quản lý có trình độ sơ cấp và trung cấp là 1.642 người. Có 801 HTX đang hoạt động, trong đó có 645 HTX hoạt động hiệu quả, tham gia chuỗi liên kết bền vững, 195 HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, 103 HTX tham gia sản xuất 123 sản phẩm OCOP được công nhận, xếp hạng.

Các HTX nông nghiệp phát triển, từng bước hoạt động đúng bản chất, ngày càng tập trung hơn vào việc hỗ trợ kinh tế hộ thành viên, hộ nông dân phát triển; tư duy tổ chức, quản lý HTX được đổi mới, chất lượng hoạt động được nâng lên, đã chủ động đổi mới phương thức quản lý, điều hành, đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị, ứng dụng công nghệ cao, thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững; đã xuất hiện nhiều HTX hoạt động hiệu quả, đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

### ***2.2. Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại***

Năm 2025, Tỉnh Thanh Hóa ước có 1.291 THT và 321 HTX hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - TTCN, thương mại (chiếm 24,2% tổng số HTX), tăng 0,3% so với cùng kỳ, tăng 4,9% so với kế hoạch. Doanh thu bình quân ước đạt 7.600 triệu đồng/HTX/năm; lãi bình quân ước đạt 2635 triệu đồng/HTX/năm; thu nhập bình quân của một lao động làm việc thường xuyên trong HTX ước đạt 55 triệu đồng/người/năm.

Các HTX công nghiệp - TTCN, thương mại có bước phát triển khá. Nhiều HTX đã nỗ lực khắc phục khó khăn, tạo việc làm, thu nhập cho thành viên, góp phần duy trì, phát triển ngành nghề truyền thống phục vụ xuất khẩu và thúc đẩy tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

### ***2.3. Lĩnh vực vận tải***

Năm 2025, toàn tỉnh có 28 HTX giao thông vận tải, giảm 03 HTX so với cùng kỳ; tổng số thành viên HTX giao thông vận tải ước đạt 1.875 người, giảm 10,72% so với cùng kỳ. Doanh thu bình quân của HTX ước đạt 7.850 triệu

đồng/năm, tăng 4,6% so với cùng kỳ; lợi nhuận bình quân HTX ước đạt 175 triệu đồng/năm, tăng 9,3% so với cùng kỳ; thu nhập bình quân của một lao động làm việc thường xuyên tại HTX khoảng 95 triệu đồng/người/năm, tăng 5,5% so với cùng kỳ; tổng số cán bộ quản lý HTX: 92 người, giảm 8% so với cùng kỳ.

Các HTX giao thông vận tải đã chú trọng nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ vận tải, tạo việc làm và thu nhập cho thành viên. Bên cạnh đó, HTX giao thông vận tải đã giúp cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý một số lượng đáng kể phương tiện vận tải tư nhân và hộ cá thể, góp phần ổn định hoạt động vận tải hàng hóa, hành khách trên địa bàn tỉnh.

#### **2.4. Lĩnh vực xây dựng**

Năm 2025, có 19 HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, giảm 02 HTX so với cùng kỳ. Hầu hết HTX lĩnh vực xây dựng có quy mô nhỏ, sử dụng lao động phổ thông, tay nghề thấp, hoạt động chủ yếu là thi công các công trình quy mô nhỏ, thời gian ngắn, nên hiệu quả hoạt động và lợi ích mang lại cho thành viên chưa cao. Song, các HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cũng đã có nhiều cố gắng, góp vốn mua sắm máy móc phục vụ thi công công trình, tạo sự liên kết, hợp tác giữa các thành viên, tạo việc làm và thu nhập cho một bộ phận lao động nông thôn.

#### **2.5. Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND)**

Năm 2025, toàn tỉnh có 67 Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND), trong đó, có 64 QTDND đang hoạt động hiệu quả, 01 QTDND hoạt động kém hiệu quả bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, 02 QTDND chờ giải thể, phá sản. Trong năm có 3.350 thành viên mới; tổng số thành viên QTDND đạt 125.550 thành viên. Tổng số lao động thường xuyên làm việc tại QTDND là 915 người. Doanh thu bình quân của QTDND là 6.650 triệu đồng/năm, lãi bình quân của 01 QTDND là 665 triệu đồng/năm; tạo thu nhập bình quân của một lao động làm việc thường xuyên khoảng 115 triệu đồng/năm.

Hệ thống QTDND đã có bước phát triển lớn mạnh, từng bước khẳng định được vai trò, vị thế trong mô hình kinh tế hợp tác kiểu mới, là kênh cung ứng vốn cho thành viên, hộ nông dân, qua đó góp phần phát triển sản xuất, tạo việc làm, thu nhập và nâng cao đời sống cho thành viên, hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo và góp phần hạn chế tình trạng “tín dụng đen” trên địa bàn.

#### **2.6. Lĩnh vực vệ sinh môi trường**

Năm 2025, có 28 HTX hoạt động dịch vụ vệ sinh môi trường, giảm 01 HTX so với cùng kỳ. Các HTX dịch vụ vệ sinh môi trường hoạt động ổn định và có chiều hướng phát triển, giải quyết tốt công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn hoạt động.

### **3. Đánh giá tác động của THT, HTX, LHHTX tới thành viên, kinh tế hộ thành viên**

Các tổ chức KTTT, HTX với vị trí, vai trò, mục tiêu hoạt động là tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất, kinh doanh, mang lại lợi ích tối đa cho thành viên, nên ngoài ý nghĩa về mặt kinh tế, các HTX đã thúc đẩy kinh tế hộ thành

viên phát triển, tạo ra lượng sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ không nhỏ để đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu. Bên cạnh đó, các tổ chức KTTT, HTX đã phát huy được vai trò xã hội trong việc tạo và giải quyết việc làm, thu nhập cho một bộ phận lao động địa phương, góp phần thực hiện các mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn an ninh - trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế tại địa phương.

#### **4. Một số mô hình hoạt động hiệu quả theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao**

Năm 2025, tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng được một số mô hình HTX hoạt động hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị bền vững; tiêu biểu như:

- Mô hình HTX DVNN Thiệu Hưng liên kết với doanh nghiệp, chuyên giao công nghệ, đầu tư xây dựng nhà màng, nhà lưới, cửa hàng giới thiệu sản phẩm dưa Kim Hoàng Hậu (*được công nhận sản phẩm OCOP 4 sao*), dưa bao tử, rau màu theo tiêu chuẩn VietGap, có dán tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, đạt doanh thu 26 tỷ đồng/năm;

- Mô hình liên kết thành viên, hộ nông dân trồng cây chè và sản xuất sản phẩm chè OCOP chất lượng cao, đạt doanh thu 2,5 tỷ đồng/năm của HTX nông lâm nghiệp Bình Sơn.

- Mô hình HTX tiêu thụ và cung ứng giống, vật tư, máy nông nghiệp, dịch vụ làm đất, bao tiêu sản phẩm cho thành viên, đồng thời xây dựng nhà kho bảo quản, xây dựng cửa hàng giới thiệu sản phẩm của HTX nông nghiệp Phú Lộc, HTX DVNN Xuân Minh, HTX Đông Tiến.

- Mô hình hoạt động dịch vụ thu gom rác thải, vệ sinh đường phố trên 36 xã, phường của HTX dịch vụ vệ sinh môi trường Tân Sơn có doanh thu trên 46 tỷ đồng/năm, lợi nhuận 750 triệu đồng/năm, tạo thu nhập 10,2 triệu đồng/người/tháng.

## **II. KẾT QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ**

### **1. Kết quả thi hành pháp luật và các văn bản về KTTT, HTX**

Năm 2025, tỉnh Thanh Hóa tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới, Luật Hợp tác xã, các Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài chính<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, tỉnh Thanh Hóa đã tập trung chỉ đạo các sở, ngành,

---

<sup>1</sup> Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, NQ số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ND số 92/2024/ND-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; QĐ số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 phê duyệt Kế hoạch phát triển KTTT giai đoạn 2021-2025, Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT, Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

thực hiện phân cấp, phân quyền cho UBND các xã, phường trong việc triển khai các chính sách, chương trình, đề án về phát triển KTTT, HTX mà tỉnh Thanh Hóa đã ban hành<sup>2</sup>, đảm bảo các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ được triển khai đồng bộ, mang lại hiệu quả thiết thực cho khu vực KTTT, HTX.

## **2. Công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX**

Triển khai thực hiện Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 25/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX, tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển KTTT tỉnh; đồng thời, chỉ đạo UBND các xã, phường thực hiện rà soát, thành lập Ban Chỉ đạo phát triển KTTT tại địa phương; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện; các sở, ngành cấp tỉnh, theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được giao, tập trung triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời công tác phát triển KTTT, HTX thuộc phạm vi ngành, địa bàn quản lý; định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá tình hình hoạt động của KTTT, kịp thời giúp các HTX giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.

Ban Chỉ đạo phát triển KTTT tỉnh Thanh Hóa và các Ban Chỉ đạo phát triển KTTT các địa phương đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp trong tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT, HTX; tham mưu cho UBND tỉnh giao các sở, ngành liên quan thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo theo quy định, xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX, các kế hoạch phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh.

## **3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ HTX**

### **3.1. Chính sách tuyên truyền, hỗ trợ HTX thành lập mới, củng cố tổ chức KTTT, HTX hoạt động theo Luật HTX**

Năm 2025, tỉnh Thanh Hóa đã tiếp tục triển khai công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, hỗ trợ các HTX thành lập mới như: Liên minh HTX tỉnh, Báo Thanh Hóa đã thực hiện 12 chuyên mục, 55 tin, bài, phóng sự về các hoạt động chào mừng ngày truyền thống HTX, giới thiệu, đưa tin về các gương điển hình tiên tiến trong các tổ chức KTTT, HTX trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng công nghệ số; triển khai 14 hội nghị giao ban, tập huấn, bồi dưỡng xây dựng mô hình HTX cho 1.356 đại biểu là cán bộ quản lý, thành viên HTX; đã hướng dẫn HTX tạo lập tài khoản định danh điện tử cho tổ chức thực hiện các giao dịch điện tử, dịch vụ công trực tuyến, sử dụng mã định danh cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký HTX theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ tư vấn lập hồ sơ, miễn phí lệ phí đăng ký kinh doanh đối với 45 HTX thành lập mới và 16 lượt đăng ký thay đổi nội dung đăng ký HTX theo Nghị

---

<sup>2</sup> KH số 94-KH/TU ngày 13/9/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh; QĐ số 922/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh; QĐ số 3241/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; QĐ số 5453/QĐ-UBND ngày 29/12/2021; QĐ số 3877/QĐ-UBND ngày 10/11/202; KH số 173/KH-UBND ngày 17/8/2020; KH số 197/KH-UBND ngày 30/8/2021; KH số 169/KH-UBND ngày 05/8/2024.

quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh, giúp HTX tiết kiệm chi phí thực hiện TTHC.

### **3.2. Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT, HTX**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng và triển khai kế hoạch, nội dung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, thành viên của HTX năm 2025. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức 05 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho 320 người là cán bộ quản lý HTX với tổng kinh phí 964 triệu đồng.

### **3.3. Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường**

Năm 2025, Liên minh HTX tỉnh đã tổ chức 04 cuộc xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh, các HTX tham gia được hỗ trợ 100% kinh phí thuê gian hàng, chi phí ăn ở, đi lại. Qua đó, các HTX, THT quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP, giao lưu, tìm kiếm hợp đồng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

### **3.4. Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm:**

Trong năm, có 23 HTX nông nghiệp được hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm theo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 với kinh phí hỗ trợ là 55.200 triệu đồng.

## **4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **4.1. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, công tác phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vẫn còn một số tồn tại, hạn chế; đó là:

- Chính sách hỗ trợ KTTT, HTX tuy đã được ban hành; song, do nguồn vốn ngân sách nhà nước các cấp còn hạn chế, nên việc triển khai chính sách hỗ trợ chưa nhiều, số lượng HTX tiếp cận chính sách còn ít so với nhu cầu.

- Năng lực nội tại của các tổ chức KTTT, HTX còn yếu, huy động, kết nạp thêm thành viên còn khó khăn, thiếu nguồn lực cho đầu tư sản xuất kinh doanh, chất lượng cung ứng dịch vụ chưa cao, sức cạnh tranh thấp.

- Tính liên kết, hợp tác, tham gia chuỗi giá trị giữa các HTX, giữa HTX với doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác có nhiều chuyển biến, nhưng quy mô liên kết chưa lớn, hiệu quả mang lại chưa tương xứng với tiềm năng.

- Nhận thức về phát triển KTTT, HTX của một số cấp ủy, chính quyền địa phương và một bộ phận cán bộ, công chức các cấp và nhân dân chưa đầy đủ.

### **4.2. Nguyên nhân**

- Nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ HTX còn ít, trong khi phải thực hiện lồng ghép trong các chương trình, đề án khác.

- Phần lớn HTX được hình thành và chuyển đổi từ HTX kiểu cũ, đội ngũ cán bộ quản lý HTX còn yếu; những người có trình độ, năng lực được đào tạo cơ bản, chính quy thì chưa gắn bó lâu dài với HTX.

- Từ ngày 01/7/2025, triển khai tổ chức, sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTT, HTX được phân cấp, phân quyền cho cấp xã mới thực hiện; theo đó, chính quyền cấp xã mới không tránh khỏi sự lúng túng trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn, trong đó có nhiệm vụ về phát triển KTTT, HTX. Cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX ở các địa phương còn thiếu, chủ yếu là cán bộ mới, thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm.

## **Phần thứ hai**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2026**

#### **1. Thuận lợi**

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và Đại hội Đảng các cấp, bầu cử Đại biểu Quốc hội lần thứ XVI, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, khu vực KTTT, HTX tiếp tục được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và của tỉnh, nhiều chủ trương, chính sách đã được ban hành, khung khổ pháp lý về KTTT, HTX được hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho KTTT, HTX phát triển.

Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh ngày càng được cải thiện, công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách TTHC được các ngành, các cấp nỗ lực thực hiện và đạt nhiều kết quả tích cực, tạo nhiều thuận lợi cho KTTT, HTX ra nhập thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, nhu cầu thị trường ngày càng cao và đa dạng, xu hướng sử dụng các sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, rõ ràng nguồn gốc xuất xứ đã mở ra nhiều cơ hội cho khu vực KTTT, HTX trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng thị trường và ngày càng khẳng định được vai trò, vị thế trong nền kinh tế.

#### **2. Khó khăn, thách thức**

- Tình hình thế giới, trong nước, biến đổi khí hậu, thiên tai dịch bệnh dự báo chuyển biến nhanh khó lường, cơ hội và thách thức đan xen, tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTTT, HTX.

- Tốc độ của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ngày càng nhanh đã ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn như đất đai dùng để sản xuất nông nghiệp ngày càng giảm, lao động ở nông thôn ngày càng khan hiếm do doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động thu hút, có cơ chế đãi ngộ, thu nhập cao hơn.

- Ngân sách thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX của Trung ương, của tỉnh còn hạn chế.

#### **3. Định hướng chung**

Phát triển KTTT, HTX trên mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, đa

dạng về quy mô và ngành nghề hoạt động, trên mọi vùng, miền của tỉnh, trong đó ưu tiên xây dựng, phát triển các HTX kiểu mới, hiệu quả, sản xuất sản phẩm OCOP; khuyến khích các tổ chức KTTT, HTX mở rộng quy mô thành viên, vốn góp, tăng cường liên kết, hợp tác với doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác theo chuỗi giá trị phát triển bền vững; triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ các tổ chức KTTT, HTX nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế, yếu kém; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho khu vực KTTT, HTX phát triển.

#### **4. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục khuyến khích phát triển mới các tổ chức KTTT, đa dạng về quy mô và lĩnh vực hoạt động; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KTTT, HTX gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; hỗ trợ phát triển các mô hình HTX hoạt động có hiệu quả, trở thành kiểu mẫu để nhân rộng và thu hút người dân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoặc liên kết theo chuỗi giá trị phát triển bền vững; tiếp tục xây dựng môi trường hoạt động, sản xuất kinh doanh lành mạnh, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các thành viên.

#### **5. Một số mục tiêu cụ thể**

- Phân đầu thành lập mới 25 HTX; vận động, kết nạp thêm 5.150 thành viên; tổng số thành viên của HTX khoảng 252.500 người.
- Tổng số lao động làm việc thường xuyên tại HTX khoảng 41.150 người, trong đó, số lao động thường xuyên mới: 7.515 người.
- Tổng số cán bộ quản lý HTX khoảng trên 6.885 người, trong đó cán bộ quản lý có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học 2.380 người (chiếm 34,56%), cán bộ đạt trình độ sơ cấp, trung cấp 3.200 người (chiếm 46,47%); số cán bộ quản lý còn lại đều được tham dự ít nhất một lớp tập huấn, đào tạo nghiệp vụ quản lý.
- Doanh thu bình quân một HTX khoảng 7.610 triệu đồng/năm; lãi bình quân một HTX khoảng 285 triệu đồng/năm.
- Thu nhập bình quân của một lao động làm việc thường xuyên trong HTX đạt 52 triệu đồng/năm.

*(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo).*

#### **6. Các nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTTT, HTX năm 2026**

**6.1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về KTTT, HTX và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX bảo đảm thiết thực, hiệu quả, theo quy định của pháp luật**

- Tiếp tục duy trì và xây dựng mới các chuyên trang, chuyên mục, tin, bài để giới thiệu tuyên truyền chính sách, pháp luật về KTTT, HTX, các mô hình HTX tiêu biểu, qua đó thúc đẩy sự phát triển các tổ chức KTTT, HTX cả về số lượng và chất lượng.
- Tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ

phát triển KTTT, HTX của Trung ương, của tỉnh đã ban hành. Cân đối bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX đảm bảo thiết thực, hiệu quả theo quy định của pháp luật.

### ***6.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực KTTT, HTX***

- Tư vấn, hướng dẫn các tổ chức KTTT, HTX củng cố tổ chức, bộ máy hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX; vận động thành viên HTX nâng mức góp vốn; hỗ trợ thành lập HTX và thu hút thành viên mới.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nhằm cập nhật, nâng cao kiến thức, trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, thành viên các tổ chức KTTT, HTX.

- Cung cấp thông tin, tư vấn, hỗ trợ và nhân rộng các mô hình HTX kiểu mới, hiệu quả gắn với chuỗi giá trị, sản xuất sản phẩm OCOP phù hợp với điều kiện địa phương; khuyến khích tổ chức KTTT, HTX tham gia các hội chợ xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động, chủ động tham gia cuộc cách mạng lần thứ tư, các sản phẩm thương mại điện tử, nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm và tìm kiếm cơ hội hợp tác kinh doanh.

### ***6.3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX***

- Rà soát, củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT các cấp, kịp thời thay thế, bổ sung thành viên của Ban Chỉ đạo. Tăng cường trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo thuộc các cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực được phân công; chủ động đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp, nhằm đổi mới và phát triển KTTT, HTX.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với khu vực KTTT, HTX trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tập trung xử lý kịp thời, dứt điểm các khoản nợ đọng của HTX; kiên quyết xử lý giải thể HTX không còn hoạt động, hoạt động yếu kém, hoạt động không đúng bản chất, không tuân thủ quy định của Luật HTX.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động Liên minh HTX tỉnh, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX Thanh Hóa, tạo điều kiện hỗ trợ các HTX vay vốn ưu đãi, phát triển sản xuất kinh doanh.

### ***6.4. Về phát huy vai trò của Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội***

- Gắn hoạt động của Ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị xã hội với hoạt động phát triển KTTT, HTX; thực hiện tốt chức năng giám sát việc thực hiện Luật HTX và các chính sách hỗ trợ, phát triển HTX.

- Phát huy vai trò của Ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị xã hội trong việc vận động nhân dân tự nguyện tham gia phát triển KTTT, HTX; chỉ đạo thành viên xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển KTTT, HTX phù hợp với nội dung Kế hoạch của tỉnh.

### **6.5. Về huy động nguồn lực xã hội để phát triển KTTT, HTX**

Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển KTTT, HTX với các Chương trình, dự án, kế hoạch phát triển KT-XH tại địa phương để phát triển các tổ chức KTTT. Tranh thủ sự tài trợ, hỗ trợ nguồn lực về tài chính và cơ sở vật chất của các nhà tài trợ trong và ngoài nước, các tổ chức tài chính, doanh nghiệp, các nguồn tài chính hợp pháp khác cho phát triển KTTT.

### **7. Tổ chức thực hiện**

Trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTTT, HTX đề ra trong Kế hoạch này, Giám đốc các sở, trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, lĩnh vực, địa bàn được phân công quản lý xây dựng Kế hoạch cụ thể của ngành, đơn vị và phân công Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện Kế hoạch; chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh những nội dung, nhiệm vụ thực tế phát sinh nhằm triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch phát triển KTTT, HTX tỉnh Thanh Hóa năm 2026, yêu cầu các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành các nội dung Kế hoạch đề ra./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Khu vực 7;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thi**

**Phụ lục I**

**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

| STT      | Chỉ tiêu                                                        | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2024 | Năm 2025 |               |                                      |                                      | Kế hoạch năm 2026 |                                    |                                        |
|----------|-----------------------------------------------------------------|-------------|--------------------|----------|---------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-------------------|------------------------------------|----------------------------------------|
|          |                                                                 |             |                    | Kế hoạch | Ước TH cả năm | Ước TH cả năm so với TH năm 2024 (%) | Ước TH cả năm so với KH năm 2025 (%) | Kế hoạch năm      | KH năm 2026 so với KH năm 2025 (%) | KH năm 2026 so với Ước TH năm 2025 (%) |
| <b>I</b> | <b>Hợp tác xã</b>                                               |             |                    |          |               |                                      |                                      |                   |                                    |                                        |
| 1        | Tổng số hợp tác xã                                              | HTX         | 1.364              | 1.348    | 1.348         | 98,83                                | 100,00                               | 1.310             | 97,18                              | 97,18                                  |
|          | <i>Trong đó:</i>                                                |             |                    |          |               |                                      |                                      |                   |                                    |                                        |
|          | Số hợp tác xã đang hoạt động                                    | HTX         | 1.272              | 1.244    | 1.248         | 98,11                                | 100,32                               | 1.260             | 101,29                             | 100,96                                 |
|          | Số hợp tác xã thành lập mới                                     | HTX         | 63                 | 31       | 55            | 87,30                                | 177,42                               | 25                | 80,65                              | 45,45                                  |
|          | Số hợp tác xã giải thể                                          | HTX         | 86                 | -        | 45            | 52,33                                | -                                    | 63                | -                                  | -                                      |
|          | Số hợp tác xã đạt loại tốt, khá                                 | HTX         | 805                | 810      | 810           | 100,62                               | 100,00                               | 815               | 100,62                             | 100,62                                 |
|          | Số HTX ứng dụng công nghệ cao                                   | HTX         | 152                | 195      | 195           | 128,29                               | 100,00                               | 210               | 107,69                             | 107,69                                 |
|          | Số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị | HTX         | 615                | 645      | 645           | 104,88                               | 100,00                               | 653               | 101,24                             | 101,24                                 |
|          | Số HTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần             | HTX         | 4                  | 4        | 4             | 100,00                               | 100,00                               | 4                 | 100,00                             | 100,00                                 |

|   |                                                                                  |                |         |         |         |        |        |         |        |        |
|---|----------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------|---------|---------|--------|--------|---------|--------|--------|
|   | Số HTX có thành viên là doanh nghiệp                                             | HTX            | 4       | 4       | 4       | 100,00 | 100,00 | 4       | 100,00 | 100,00 |
|   | Số HTX có thành viên là người nước ngoài                                         | HTX            | -       | -       | -       | -      | -      | -       | -      | -      |
|   | Số xã đạt chuẩn tiêu chí 13.1 về HTX trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới | Xã             | 386     | 396     | -       | -      | -      | -       | -      | -      |
| 2 | Tổng số thành viên hợp tác xã                                                    | Người          | 251.900 | 252.000 | 252.245 | 100,14 | 100,10 | 252.500 | 100,20 | 100,10 |
|   | <i>Trong đó:</i>                                                                 |                |         |         |         |        |        |         |        |        |
|   | Số thành viên mới                                                                | Thành viên     | 5.100   | 5.100   | 5.110   | 100,20 | 100,20 | 5.150   | 100,98 | 100,78 |
|   | Số thành viên ra khỏi hợp tác xã                                                 | Thành viên     | 4.740   | -       | 4.755   | 100,32 | -      | 4.650   |        | 97,79  |
| 3 | Tổng số lao động thường xuyên trong HTX                                          | Người          | 40.990  | 41.000  | 41.000  | 100,02 | 100,00 | 41.150  | 100,37 | 100,37 |
|   | <i>Trong đó:</i>                                                                 |                |         |         |         |        |        |         |        |        |
|   | Số lao động thường xuyên mới                                                     | Người          | 7.500   | 7.500   | 7.500   | 100,00 | 100,00 | 7.515   | 100,20 | 100,20 |
|   | Số lao động thường xuyên là thành viên HTX                                       | Người          | 33.240  | 33.500  | 33.500  | 100,78 | 100,00 | 33.615  | 100,34 | 100,34 |
| 4 | Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã                                                | Người          | 6.655   | 6.865   | 6.865   | 103,16 | 100,00 | 6.885   | 100,29 | 100,29 |
|   | <i>Trong đó:</i>                                                                 |                |         |         |         |        |        |         |        |        |
|   | Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp                  | Người          | 2.900   | 2.950   | 3.142   | 108,34 | 106,51 | 3.200   | 108,47 | 101,85 |
|   | Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên      | Người          | 2.264   | 2.350   | 2.350   | 103,80 | 100,00 | 2.380   | 101,28 | 101,28 |
| 5 | Doanh thu bình quân một hợp tác xã                                               | Tr<br>đồng/năm | 7.550   | 7.600   | 7.600   | 100,66 | 100,00 | 7.610   | 100,13 | 100,13 |



|   |                                                                |                |        |        |        |        |        |        |        |        |
|---|----------------------------------------------------------------|----------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
|   | Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn | THT            | 2.571  | 2.597  | 2.597  | 101,01 | 100,00 | 2.620  | 100,89 | 100,89 |
| 2 | Tổng số thành viên tổ hợp tác                                  | Thành viên     | 16.202 | 13.260 | 13.260 | 81,84  | 100,00 | 13.510 | 101,89 | 101,89 |
|   | <i>Trong đó:</i>                                               |                |        |        |        |        |        |        |        |        |
|   | Số thành viên mới thu hút                                      | Thành viên     | 740    | 740    | 740    | 100,00 | 100,00 | 760    | 102,70 | 102,70 |
| 3 | Doanh thu bình quân một tổ hợp tác                             | Tr<br>đồng/năm | 645    | 650    | 650    | 100,78 | 100,00 | 660    | 101,54 | 101,54 |
| 4 | Lãi bình quân một tổ hợp tác                                   | Tr<br>đồng/năm | 150    | 150    | 150    | 100,00 | 100,00 | 155    | 103,33 | 103,33 |

## Phụ lục II

**SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI  
THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

[illegible]

|          |                                                  |       |       |       |       |     |        |       |        |        |
|----------|--------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|-----|--------|-------|--------|--------|
|          | Tổng số LH hợp tác xã                            | LHHTX | 3     | 3     | 3     | 100 | 100,00 | 4     | 133,33 | 133,33 |
|          | Chia ra:                                         |       |       |       |       |     |        |       |        |        |
|          | LH hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp     | LHHTX | 2     | 2     | 2     | 100 | 100,00 | 3     | 150,00 | 150,00 |
|          | LH hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp | LHHTX | -     | -     | -     | -   | -      | -     | -      | -      |
|          | LH hợp tác xã xây dựng                           | LHHTX | -     | -     | -     | -   | -      | -     | -      | -      |
|          | LH hợp tác xã tín dụng                           | LHHTX | -     | -     | -     | -   | -      | -     | -      | -      |
|          | LH hợp tác xã thương mại                         | LHHTX | 1     | 1     | 1     | 100 | 100,00 | 1     | 100,00 | 100,00 |
|          | LH hợp tác xã vận tải                            | LHHTX | -     | -     | -     | -   | -      | -     | -      | -      |
|          | LH hợp tác xã khác                               | LHHTX | -     | -     | -     | -   | -      | -     | -      | -      |
| <b>3</b> | <b>TỔ HỢP TÁC</b>                                |       |       |       |       |     |        |       |        |        |
|          | Tổng số tổ hợp tác                               | THT   | 2.571 | 2.597 | 2.597 | 100 | 101,01 | 2.620 | 100,89 | 100,89 |
|          | Chia ra:                                         |       |       |       |       |     |        |       |        |        |
|          | Tổ hợp tác nông - lâm - ngư - diêm nghiệp        | THT   | 1.286 | 1.306 | 1.306 | 100 | 101,56 | 1.366 | 104,59 | 104,59 |
|          | Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp    | THT   | 958   | 961   | 961   | 100 | 100,31 | 913   | 95,01  | 95,01  |
|          | Tổ hợp tác xây dựng                              | THT   | -     | -     | -     | -   | -      | -     | -      | -      |
|          | Tổ hợp tác tín dụng                              | THT   | -     | -     | -     | -   | -      | -     | -      | -      |
|          | Tổ hợp tác thương mại                            | THT   | 327   | 330   | 330   | 100 | 100,92 | 341   | 103,33 | 103,33 |
|          | Tổ hợp tác vận tải                               | THT   | -     | -     | -     | -   | -      | -     | -      | -      |
|          | Tổ hợp tác khác                                  | THT   | -     | -     | -     | -   | -      | -     | -      | -      |